

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
	Tiết 1 - Bài 1: BÀI MỞ ĐẦU
Hoạt động 1: I. Vị trí của con người trong tự nhiên <i>Trong chương trình Sinh học lớp 7, các em đã học các ngành động vật nào? Lớp động vật nào trong ngành Động vật có xương sống có vị trí tiến hoá nhất? Vậy để xem, tiếp nối chương trình sinh 7 thì tổ chức cơ thể loài người có những đặc điểm nổi bật gì để trở thành vị trí cao nhất về mặt tiến hóa?</i> - HS nghiên cứu thông tin mục I/SGK và đánh dấu vào ô vuông lệnh Δ/SGK/5 - HS lấy ví dụ về những hoạt động tích cực của con người trong việc giảm sự lệ thuộc vào thiên nhiên, hoặc những hoạt động có tư duy vào mục đích nhất định trong cuộc sống II. Nhiệm vụ của môn cơ thể người và vệ sinh - HS đọc thông tin trong SGK - Các mục tiêu nghiên cứu khi tìm hiểu về cơ thể người là gì? (cấu tạo, chức năng và vệ sinh) - Quan sát hình 1.1 - 1.3, kiến thức sinh học 8 có mối liên hệ nào với các ngành nghề trong đời sống? - Vậy xác định nhiệm vụ môn học có ý nghĩa gì với ngành nghề đó? III. Phương pháp học tập bộ môn - HS đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi: - Muốn tìm hiểu đặc điểm hình thái, cấu tạo và cơ chế hoạt động của các cơ quan thì học sinh cần tập trung vào các phương pháp nào? - Đem kiến thức và vận dụng vào đời sống có ý nghĩa gì với môn học?	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: - Các đặc điểm phân biệt người với động vật là người biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động vào những mục đích nhất định, có tư duy, tiếng nói và chữ viết - Con người làm chủ được thiên nhiên và đưa thiên nhiên vào phục vụ trong đời sống con người II. => Kết luận: + Nhiệm vụ bộ môn: - <i>Cung cấp những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể.</i> - <i>Mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường để đề ra biện pháp bảo vệ cơ thể.</i> + Ý nghĩa: - <i>Biết cách rèn luyện thân thể, phòng chống bệnh tật, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường.</i> - <i>Tích lũy kiến thức cơ bản để đi sâu vào các ngành nghề liên quan.</i> III. HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: => Kết luận: <i>Phương pháp học tập phù hợp với đặc điểm môn học là kết hợp quan sát, thí nghiệm và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống</i>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1. Con người khác với động vật có vú ở điểm nào sau đây ? A. Biết chế tạo công cụ lao động vào những mục đích nhất định B. Biết tư duy

	C. Có ngôn ngữ (tiếng nói và chữ viết) Câu 2. Sinh học 8 có nhiệm vụ là gì ? A. Cung cấp những kiến thức cơ bản đặc điểm cấu tạo, chức năng của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường B. Cung cấp những hiểu biết về phòng chống bệnh tật và rèn luyện thân thể C. Làm sáng tỏ một số hiện tượng thực tế xảy ra trên cơ thể con người D. Tất cả các phương án Câu 3. Để tìm hiểu về cơ thể người, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào sau đây ? 1. Quan sát tranh ảnh, mô hình... để hiểu rõ đặc điểm hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể. 2. Tiến hành làm thí nghiệm để tìm ra những kết luận khoa học về chức năng của các cơ quan trong cơ thể. 3. Vận dụng những hiểu biết khoa học để giải thích các hiện tượng thực tế, đồng thời áp dụng các biện pháp vệ sinh và rèn luyện thân thể.
--	---

Khi cần liên hệ trao đổi nội dung bài học:

Thầy/cô: Trương Thị Thanh

- Số Điện thoại (zalo): 0383707914

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh học	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1. 2. 3.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8

NỘI DUNG			GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI			Tiết 2 - Bài 2: CẤU TẠO CƠ THỂ NGƯỜI
Hoạt động 1: I. Cấu tạo - HS nghiên cứu thông tin mục I/SGK và quan sát H 2.1 và 2.2 trả lời các câu sau: - Cơ thể người gồm mấy phần? Kể tên các phần đó? - Cơ thể chúng ta gồm các nội quan chứa trong những khoang nào? - Khoang ngực ngăn cách với khoang bụng nhờ cơ quan nào? - Những cơ quan nào nằm trong khoang ngực, khoang bụng? Quan sát hình 2.2 và thực hiện lệnh Δ/SGK theo bảng 2/SGK - Kể tên các hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú? - So sánh các hệ cơ quan ở người và thú, em có nhận xét gì? Bảng 2: Thành phần, chức năng của các hệ cơ quan			I. Cấu tạo - HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: 1. Các phần cơ thể - Cơ thể chia làm 3 phần: đầu, thân và tay chân. - Da bao bọc bên ngoài để bảo vệ cơ thể. - Dưới da là lớp mỡ → cơ và xương (hệ vận động). - Khoang ngực ngăn cách với khoang bụng nhờ cơ hoành. 2. Các hệ cơ quan - Hệ cơ quan gồm các cơ quan cùng phối hợp hoạt động thực hiện một chức năng nhất định của cơ thể.
Hệ cơ quan	Các cơ quan trong từng hệ cơ quan	Chức năng của hệ cơ quan	
- Hệ vận động	- Cơ và xương	- Vận động, vận động cơ thể cơ thể	
- Hệ tiêu hoá	- Miệng, ống tiêu hoá và tuyến tiêu hoá.	- Tiếp nhận và biến đổi thức ăn thành chất dd cung cấp cho cơ thể.	
- Hệ tuần hoàn	- Tim và hệ mạch	- Vận chuyển oxi, cacbonic, chất dinh dưỡng và chất thải.	
- Hệ hô hấp	- Mũi, khí quản, phế quản và 2 lá phổi.	- Thực hiện trao đổi khí oxi, khí cacbonic giữa cơ thể và môi trường.	
- Hệ bài tiết	- Thận, ống dẫn nước tiểu và bóng đái.	- Bài tiết nước tiểu và lọc máu.	
- Hệ thần kinh	- Não, tủy sống, dây thần kinh và hạch thần kinh.	- Tiếp nhận và trả lời kích thích điều hoà hoạt động của cơ thể.	
II. Sự phối hợp của các hệ cơ quan - HS đọc thông tin trong SGK - Quan sát hình 2.3, em hãy phân tích vai trò của hệ thần kinh trong sự điều khiển, điều hoà hoạt động của các hệ cơ quan (chú ý cơ chế thần kinh và cơ chế thể dịch do tuyến nội tiết tiết ra)			II. Sự phối hợp của các hệ cơ quan HS tìm hiểu thông tin và trả lời theo nội dung hướng dẫn: => Kết luận: - Các hệ cơ quan trong cơ thể có sự phối hợp hoạt động. - Sự phối hợp hoạt động của các cơ quan tạo nên sự

	<i>thống nhất của cơ thể dưới sự chỉ đạo của hệ thần kinh và hệ nội tiết.</i>
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i> -Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1. Các cơ quan trong cơ thể hoạt động có đặc điểm là: a. Trái ngược nhau b. Thống nhất nhau. c. Lấn át nhau d. 2 ý a và b đúng. Câu 2. Những hệ cơ quan nào dưới đây cùng có chức năng chỉ đạo hoạt động hệ cơ quan khác. a. Hệ thần kinh và hệ nội tiết b. Hệ vận động, tuần hoàn, tiêu hoá và hô hấp. c. Hệ bài tiết, sinh dục và nội tiết. d. Hệ bài tiết, sinh dục và hệ thần kinh. Câu 3. Khi chúng ta bơi cật lực, hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường độ hoạt động ? A. Hệ tuần hoà B. Tất cả các phương án còn lại C. Hệ vận động D. Hệ hô hấp

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1. 2. 3.

		
--	--	-------------------------

TRƯỜNG THCS THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8**

(BÀI NÀY BỎ LỆNH Δ/II VÀ PHẦN III: THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA TẾ BÀO)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI	Tiết 3 - Bài 3: TẾ BÀO
Hoạt động 1: I. Cấu tạo và chức năng của tế bào HS nghiên cứu thông tin mục I/SGK và quan sát H 3.1 và cho biết cấu tạo một tế bào cơ thể động vật. - Ôn lại kiến thức sinh học 6 và so sánh tế bào thực vật và tế bào động vật - Đọc kỹ thông tin bảng 3.1, tìm mối liên hệ thống nhất về chức năng giữa màng sinh chất, chất tế bào và nhân: - Màng sinh chất có vai trò gì trong hoạt động sống của tế bào? Tại sao? - Lưới nội chất có vai trò gì trong hoạt động sống của tế bào? - Năng lượng cần cho các hoạt động lấy từ đâu? - Vì sao nói nhân là trung tâm, là sự sống của tế bào? II. Hoạt động sống của tế bào HS nghiên cứu kĩ sơ đồ H 3.2 SGK để trả lời câu hỏi: - Hằng ngày cơ thể và môi trường có mối quan hệ với nhau như thế nào? - Kể tên các hoạt động sống diễn ra trong tế bào. - Hoạt động sống của tế bào có liên quan gì đến hoạt động sống của cơ thể? - Qua H 3.2, cá em hãy phân tích mối liên hệ chức năng của tế bào vào với cơ thể và môi trường là gì? (Cơ thể lấy từ môi trường ngoài oxi, chất hữu cơ, nước, muối khoáng cung cấp cho tế bào trao đổi chất tạo năng lượng cho cơ thể hoạt động và thải cacbonic, chất bài tiết)	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: Cấu tạo tế bào gồm 3 phần: + Màng: thực hiện trao đổi chất + Chất tế bào gồm nhiều bào quan: lưới nội chất, ribôxôm, bộ máy gongì... diễn ra mọi hoạt động sống của tế bào + Nhân: điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào và có chứa nhiễm sắc thể II. => Kết luận: Hoạt động của tế bào gồm: - Trao đổi chất: cung cấp năng lượng cho hoạt động sống của cơ thể. - Phân chia và lớn lên: giúp cơ thể lớn lên tới trưởng thành và sinh sản. - Cảm ứng: giúp cơ thể tiếp nhận và trả lời kích thích. => Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã	Câu 1: Chất tế bào(Tb) và nhân có chức năng lần lượt là: A. Trao đổi chất với môi trường ngoài.

học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	B. Trao đổi chất với môi trường trong cơ thể C. Điều khiển hoạt động và giúp Tb trao đổi chất D. Trao đổi chất và điều khiển hoạt động của Tb Câu 2: Ý kiến nào sau đây về tế bào là không chính xác? A. Bộ máy Gôngi – Trung tâm thu nhận, xử lí và phân phối sản phẩm của tế bào B. Lưới nội chất – Trung tâm vận chuyển các chất trong tế bào C. Ribôxôm – Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào D. Ti thể – Trung tâm sản sinh và cung cấp năng lượng cho tế bào
---	---

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1. 2. 3.

TRƯỜNG THCS THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI	Tiết 4 - Bài 4: MÔ
Hoạt động 1: I. Khái niệm mô: - HS nghiên cứu thông tin mục I/SGK - Ôn lại kiến thức sinh học 6 và xác định khái niệm về mô II. Các loại mô: HS đọc kĩ mục II kết hợp quan sát H 4.1.2.3.4 SGK để trả lời câu hỏi: - <i>Nêu đặc điểm, chức năng và cho ví dụ về mô biểu bì?</i> - <i>Mô sụn, mô xương có đặc điểm gì? Nó nằm ở phần nào?</i> - <i>Phân biệt mô cơ vân, cơ trơn, cơ tim?</i> - <i>Vai trò của mô thần kinh trong đối với hoạt động cơ thể và môi trường</i>	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: <i>Mô là nhóm tế bào chuyên hoá, cấu tạo giống nhau, đảm nhiệm chức năng nhất định.</i> => Kết luận: 1. Mô biểu bì: <i>Bảo vệ, hấp thụ và tiết</i> 2. Mô liên kết: <i>Nâng đỡ, liên kết các cơ quan</i> 3. Mô cơ: <i>Co, dẫn.</i> 4. Mô thần kinh: <i>Tiếp nhận kích thích, xử lý thông tin, điều khiển hoạt động của cơ thể.</i>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1. Khi nói về mô, nhận định nào dưới đây là đúng ? A. Các tế bào trong một mô không phân bố tập trung mà nằm rải rác khắp cơ thể B. Chưa biệt hóa về cấu tạo và chức năng C. Gồm những tế bào đảm nhiệm những chức năng khác nhau D. Gồm những tế bào có cấu tạo giống nhau Câu 2. Các mô biểu bì có đặc điểm nổi bật nào sau đây ? A. Gồm những tế bào trong suốt, có vai trò xử lý thông tin B. Gồm các tế bào chết, hóa sừng, có vai trò chống thấm nước C. Gồm các tế bào xếp sát nhau, có vai trò bảo vệ, hấp thụ hoặc tiết D. Gồm các tế bào nằm rời rạc với nhau, có vai trò dinh dưỡng Câu 3. Máu được xếp vào loại mô gì ?

	A. Mô thần kinh B. Mô cơ C. Mô liên kết D. Mô biểu bì
--	---

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Sinh	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1 2. 3.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI	Tiết 5 - Bài 5: THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ
Hoạt động 1: I. Yêu cầu của bài thực hành HS đọc kỹ thông tin mục tiêu, mục I/SGK HS đọc kỹ nội dung và cách tiến hành bài thực hành	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: 1. Cách làm tiêu bản mô cơ vân: - Rạch da đùi ếch lấy 1 bắp cơ. - Dùng kim nhọn rạch dọc bắp cơ (thấm sạch máu). - Dùng ngón trỏ và ngón cái ấn lên 2 bên mép rạch. - Lấy kim mũi mác gạt nhẹ và tách 1 sợi mảnh. - Đặt sợi mảnh mới tách lên lam kính, nhỏ dd sinh lí NaCl 0,65%. - Đặt lamên, nhỏ dd axit axetic 1%.

HS nghiên cứu kỹ các bước để chuẩn bị cho bài thực hành khi được đến trường và thực hành tại phòng thí nghiệm.	2. Quan sát tế bào: - Thấy được các thành phần chính: màng, tế bào chất, nhân, vân ngang.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	HS vẽ vào tập bài học một trong 2 lựa chọn sau: - Cấu tạo tế bào (hình 3.1 SGK/11) - Một trong các loại mô hình 4.1,2,3,4/14,15,16

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1 2. 3.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI	Tiết 6 - Bài 6: PHẢN XẠ
Hoạt động 1: I. Cấu tạo và chức năng của nơron HS nghiên cứu thông tin mục I/SGK và quan sát	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời

H 6.1 và cho biết cấu tạo và chức năng của noron + <i>Noron có chức năng gì?</i> HS nêu khái niệm tính cảm ứng, tính dẫn truyền. - Dựa vào chức năng dẫn truyền, người ta chia noron thành 3 loại: noron hướng tâm, noron trung gian, noron li tâm. HS nghiên cứu tiếp SGK kết hợp quan sát H 6.2 để tìm ra sự khác nhau giữa 3 loại noron. II. Cung phản xạ - Cho VD về phản xạ ? - Phản xạ là gì? - Hiện tượng cảm ứng ở thực vật (chạm tay vào cây trinh nữ, lá cây cuộn lại) có phải là phản xạ không? - Thế nào là 1 cung phản xạ? - Yêu cầu HS quan sát H 6.2 và trả lời câu hỏi: - Xung thần kinh được dẫn truyền như thế nào? - Hãy giải thích phản xạ kim châm vào tay, tay rút lại?	câu hỏi. => Kết luận: 1. Cấu tạo noron gồm: - Thân: chứa nhân, xung quanh có tua ngắn (sợi nhánh). - Tua dài (sợi trục): có bao miêlin, tận cùng phân nhánh có cúc ximáp. 2. Chức năng - Cảm ứng (SGK) - Dẫn truyền (SGK) 3. Các loại noron - Noron hướng tâm (noron cảm giác). - Noron trung gian (noron liên lạc). II. => Kết luận: 1. Phản xạ - là phản ứng của cơ thể để trả lời kích thích của môi trường (trong và ngoài) dưới sự điều khiển của hệ thần kinh. 2. Cung phản xạ - Cung phản xạ là đường dẫn truyền xung thần kinh từ cơ quan thụ cảm, qua trung ương thần kinh tới cơ quan phản ứng (cơ hoặc tuyến) - 1 cung phản xạ có 3 loại noron: noron hướng tâm, trung gian, li tâm. - Cung phản xạ gồm 5 thành phần: cơ quan thụ cảm, noron hướng tâm, noron trung gian, noron li tâm, cơ quan phản ứng. 3. Vòng phản xạ - Vòng phản xạ gồm cung phản xạ và đường liên hệ ngược.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1. Noron có hai chức năng cơ bản, đó là gì ? A. Cảm ứng và phân tích các thông tin B. Dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin C. Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh D. Tiếp nhận và trả lời kích thích Câu 2. Cảm ứng là gì ? A. Là khả năng phân tích thông tin và trả lời các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh. B. Là khả năng làm phát sinh xung thần kinh và dẫn truyền chúng tới trung khu phân tích. C. Là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin bằng cách phát sinh xung thần kinh.

	D. Là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh. Câu 3. Căn cứ vào đâu để người ta phân chia các nơron thành 3 loại : nơron hướng tâm, nơron trung gian và nơron li tâm ? A. Hình thái B. Tuổi thọ C. Chức năng D. Cấu tạo
--	--

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1. 2. 3.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: HỆ VẬN ĐỘNG	Tiết 7 - Bài 7: BỘ XƯƠNG
Hoạt động 1: I. Các phần chính của bộ xương HS đọc thông tin mục I và quan sát H 7.1, trả lời câu hỏi: - Bộ xương gồm mấy thành phần ? - Nêu đặc điểm của mỗi thành phần? - Tìm hiểu điểm giống và khác nhau giữa xương tay và xương chân? - Vì sao có sự khác nhau đó?	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: 1. Thành phần của bộ xương - Bộ xương chia 3 phần: + Xương đầu gồm xương sọ và xương mặt.

- Từ những đặc điểm cấu tạo của bộ xương hãy cho biết chức năng phù hợp với cấu tạo của bộ xương là gì? II. Các khớp xương: HS tìm hiểu thông tin mục SGK và trả lời câu hỏi: - Đặc điểm của khớp xương? - Có mấy loại khớp? - HS quan sát H 7.4 và trả lời câu hỏi: - Dựa vào khớp đầu gối, hãy mô tả 1 khớp động? - Khả năng cử động của khớp động và khớp bán động khác nhau như thế nào? Vì sao có sự khác nhau đó? - Nêu đặc điểm của khớp bất động?	+ Xương thân gồm cột sống và lồng ngực. + Xương chi: · Xương chi trên nhỏ, bé, linh hoạt. · Xương chi dưới to, khỏe, dài, chắc chắn, ít cử động. => Bộ xương người thích nghi với quá trình lao động và đứng thẳng. 2. Vai trò của bộ xương - Nâng đỡ cơ thể, tạo hình dáng cơ thể. - Tạo khoang chứa, bảo vệ các cơ quan. - Cùng với hệ cơ giúp cơ thể vận động. II. => Kết luận: - Khớp xương là nơi hai hay nhiều đầu xương tiếp giáp với nhau. - Có 3 loại khớp xương: + Khớp động: 2 đầu xương có sụn, giữa là dịch khớp (hoạt dịch), ngoài có dây chằng giúp cơ thể có khả năng cử động linh hoạt. Ví dụ: ở cổ tay ... + Khớp bán động: giữa 2 đầu xương có đệm sụn giúp cử động hạn chế. Ví dụ: ở cột sống ... + Khớp bất động: 2 đầu xương khớp với nhau bởi mép răng cưa hoặc xếp lợp lên nhau, không cử động được. Ví dụ: ở hộp sọ ...
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học. -Củng cố, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1 : Xác định trên tranh các thành phần của bộ xương người và các khớp xương Câu 2: Trong các khớp sau: khớp ngón tay, khớp gối, khớp sọ, khớp đốt sống thắt lưng, khớp khuỷu tay. Có bao nhiêu khớp thuộc loại khớp động A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1. 2. 3.

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN SINH HỌC 8**

NỘI DUNG	GHI CHÚ
CHỦ ĐỀ: HỆ VẬN ĐỘNG	Tiết 8 - Bài 8: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG
Hoạt động 1: I. Cấu tạo của xương dài HS tìm hiểu thông tin mục I SGK kết hợp quan sát H 8.1; 8.2 ghi nhớ chú thích và trả lời câu hỏi: - <i>Xương dài có cấu tạo như thế nào?</i> - <i>Cấu tạo hình ống của thân xương, nan xương ở đầu xương xếp vòng cung có ý nghĩa gì với chức năng của xương?</i> - <i>Mở rộng:</i> Với cấu tạo nan xương của xương hình ống được ứng dụng vào kiến trúc xây dựng đảm bảo độ bền vững và tiết kiệm nguyên vật liệu (trụ cầu, cột nhà...) II. Sự to ra và dài ra của xương: HS đọc mục II và trả lời câu hỏi: - <i>Xương to ra là nhờ đâu?</i> - Quan sát H 8.5 SGK tìm hiểu thí nghiệm chứng minh vai trò của sụn tăng trưởng: dùng đinh	I. -HS gạch ý trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi. => Kết luận: Cấu tạo xương dài gồm: + <i>Đầu xương:</i> - <i>Sụn bọc đầu xương:</i> giảm ma sát giữa 2 đầu xương - <i>Mô xương xốp:</i> phân tán lực tác động và tạo ô chứa tủy, + <i>Thân xương:</i> - <i>Màng xương:</i> giúp xương phát triển to ra về bề ngang - <i>Mô xương cứng:</i> chịu lực tác động - <i>Khoang xương:</i> chứa tủy II. HS gạch dưới các câu trả lời sau khi tìm hiểu vào sách => Kết luận:

platin đóng vào vị trí A, B, C, D ở xương 1 con bê. B và C ở phía trong sụn tăng trưởng. A và D ở phía ngoài sụn của 2 đầu xương. Sau vài tháng thấy xương dài ra nhưng khoảng cách BC không đổi còn AB và CD dài hơn trước. Tìm hiểu vai trò của sụn tăng trưởng. - Lưu ý: Sự phát triển của xương nhanh nhất ở tuổi dậy thì, sau đó chậm lại từ 18-25 tuổi. - Trẻ em tập TDTT quá độ, mang vác nặng dẫn tới sụn tăng trưởng hoá xương nhanh, người không cao được nữa. Tuy nhiên màng xương vẫn sinh ra tế bào xương.	- Xương to ra về bề ngang do tế bào màng xương phân chia. - Xương dài ra do sụn tăng trưởng phân chia.
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i> Củng cố, vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học các em trả lời các câu hỏi vào vở (GV KIỂM TRA KHI VÀO HỌC TRỰC TIẾP)	Câu 1. Sụn tăng trưởng có chức năng: - Giúp xương giảm ma sát - Tạo các mô xương xốp - Giúp xương to ra về bề ngang - Giúp xương dài ra. Câu 2: Xương trẻ nhỏ khi gãy thì mau liền hơn vì: - Thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng - Thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng - Chưa có thành phần khoáng - Chưa có thành phần cốt giao

Trường: **THCS NGUYỄN THỊ HƯƠNG**

Họ tên học sinh:

Lớp:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
kHTN	Mục I, II, III : Làm bài tập :	1 2. 3.

Khi cần liên hệ trao đổi nội dung bài học:

Cô: Trương Thị Thanh - Số Điện thoại (zalo): 0383707914

